

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1972/QĐ-ĐHSPHN2 ngày 29 tháng 9 năm 2022  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2)

Tên chương trình:

*Tiếng Việt:* Sư phạm tiếng Anh

*Tiếng Anh:* English Language Teaching

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Sư phạm tiếng Anh

Mã số: 7140231

Tên gọi văn bằng: Cử nhân Sư phạm tiếng Anh

Định hướng đào tạo: Ứng dụng

Hình thức đào tạo: Chính quy tập trung

Thời gian đào tạo: 04 năm

Vị trí việc làm: Sau khi tốt nghiệp cử nhân Sư phạm tiếng Anh, sinh viên:

- có thể giảng dạy tiếng Anh ở các cơ sở giáo dục
- có cơ hội làm việc trong lĩnh vực giáo dục, văn hóa, du lịch, hành chính, khoa học xã hội và nhân văn;

Khả năng học tập nâng cao trình độ: Sau khi tốt nghiệp cử nhân Sư phạm tiếng Anh, sinh viên:

- có thể tiếp tục học tập và nâng cao trình độ ở bậc sau đại học (Thạc sỹ, Tiến sỹ) chuyên ngành giảng dạy tiếng Anh, ngôn ngữ Anh và giáo dục học.
- có thể tham gia các chương trình, khóa đào tạo bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ tại các tổ chức đào tạo trong nước và quốc tế.

Thời điểm điều chỉnh CTĐT: Tháng 9/2022

### 1. Mục tiêu

#### 1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân chuyên ngành Sư phạm tiếng Anh có phẩm chất đạo đức tốt, năng lực nghề nghiệp vững vàng để đảm nhiệm tốt công tác giảng dạy tiếng Anh và các nhiệm vụ khác của người giáo viên phổ thông hoặc có thể tham gia quản lý chuyên môn tại các cơ sở giáo dục - đào tạo và các cơ quan quản lý giáo dục.

## 1.2. Mục tiêu cụ thể

Đào tạo cử nhân chuyên ngành sư phạm tiếng Anh:

Mã	Mô tả
M1	Có sức khỏe tốt; có phẩm chất chính trị, ý thức công dân, ý thức rèn luyện nâng cao đạo đức và phong cách nhà giáo
M2	Có năng lực nền tảng để giải quyết các vấn đề đặt ra trong thực tiễn giảng dạy và trong cuộc sống
M3	Có kiến thức vững vàng về ngôn ngữ Anh, văn hóa các nước nói tiếng Anh và sử dụng tiếng Anh thành thạo
M4	Có năng lực sư phạm cần thiết để phát triển phẩm chất và năng lực cho học sinh thông qua dạy học tiếng Anh và các hoạt động giáo dục khác ở trường phổ thông
M5	Có năng lực phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của bản thân

## 2. Chuẩn đầu ra

### 2.1. Nội dung chuẩn đầu ra

Mã	Mô tả
C1	Tuân thủ chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước; thể hiện được thế giới quan và phương pháp luận khoa học trước các vấn đề kinh tế - chính trị - xã hội nảy sinh trong môi trường nghề nghiệp và thực tiễn cuộc sống.
C2	Tự rèn luyện và phát triển thể chất thông qua luyện tập một số môn thể dục thể thao
C3	Thể hiện đạo đức và phong cách nhà giáo phù hợp với môi trường giáo dục.
C4	Thể hiện được khả năng truyền đạt tri thức, giao tiếp, hợp tác, phản biện, giải quyết vấn đề và sáng tạo trong thực tiễn giảng dạy và cuộc sống.
C5	Vận dụng được các kiến thức cơ sở về ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh trong thực tế giảng dạy và giao tiếp.
C6	Vận dụng được các kiến thức cơ sở về văn hóa của các nước nói tiếng Anh trong giảng dạy và đối chiếu với văn hóa Việt Nam để giao tiếp thành công trong môi trường đa văn hóa.
C7	Đạt trình độ tiếng Anh tương đương bậc 5 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
C8	Nghiên cứu và cập nhật chương trình phổ thông môn tiếng Anh, chương trình hoạt động trải nghiệm và hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp.
C9	Vận dụng được các tri thức nền tảng, cơ bản về tâm lý học và giáo dục học để triển khai giờ dạy tiếng Anh và tổ chức các hoạt động giáo dục ở trường phổ thông theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của học sinh.
C10	Sử dụng các phương pháp kiểm tra đánh giá trong môn tiếng Anh để đánh giá và phản hồi kết quả học tập và sự tiến bộ của học sinh;
C11	Sử dụng, điều chỉnh và thiết kế tài liệu giảng dạy tiếng Anh đáp ứng yêu cầu của chương trình và trình độ của học sinh.
C12	Khai thác hiệu quả các ứng dụng công nghệ thông tin và thiết bị công nghệ trong hoạt động chuyên môn.
C13	Phân tích và đánh giá được đặc điểm tâm lý của học sinh để thực hiện chức năng tư vấn, tham vấn giáo dục nhằm phát triển học sinh và đề ra các biện pháp giáo dục hiệu quả.
C14	Thu hút được cộng đồng tham gia vào quá trình dạy học và giáo dục học sinh.

Mã	Mô tả
C15	Cập nhật các xu hướng và chính sách giáo dục mới; xây dựng kế hoạch học tập, bồi dưỡng chuyên môn bản thân; tham gia đầy đủ các chương trình bồi dưỡng phù hợp với phẩm chất, năng lực của bản thân và đáp ứng yêu cầu chuẩn nghề nghiệp và thực tiễn giáo dục.
C16	Thực hiện được các đề tài nghiên cứu liên quan đến các vấn đề giảng dạy tiếng Anh ở trường phổ thông.
C17	Đạt trình độ ngoại ngữ 2 tương đương bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

## 2.2. Ma trận Chuẩn đầu ra - Mục tiêu

Chuẩn đầu ra	Mục tiêu cụ thể				
	M1	M2	M3	M4	M5
C1	x				
C2	x				
C3	x				
C4		x			
C5			x		
C6			x		
C7			x		
C8				x	
C9				x	
C10				x	
C11				x	
C12				x	
C13				x	
C14				x	
C15					x
C16					x
C17					x

## 2.3. Các chỉ số thực hiện

Chuẩn đầu ra	Chỉ số thực hiện
C1	C1.1. Chấp hành các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; C1.2. Vận dụng được thế giới quan và phương pháp luận khoa học vào nhận thức và giải quyết các vấn đề kinh tế - chính trị - xã hội nảy sinh trong môi trường nghề nghiệp và thực tiễn cuộc sống;

Chuẩn đầu ra	Chỉ số thực hiện
	C1.3. Nhận diện được quan điểm sai trái, phản động và có thể đưa ra ý kiến phản biện trên cơ sở thế giới quan và phương pháp luận khoa học.
C2	<p>Đối với một số môn thể dục thể thao phổ biến:</p> <p>C2.1. Mô tả được các tác dụng, kỹ thuật cơ bản và quy định chính;</p> <p>C2.2. Thực hiện các động tác cơ bản đúng kỹ thuật và quy định;</p> <p>C2.3. Nghiêm túc, tích cực trong tập luyện các môn thể dục thể thao.</p>
C3	<p>C3.1. Thực hiện nghiêm túc các quy định về đạo đức nhà giáo;</p> <p>C3.2. Có tác phong và cách thức làm việc phù hợp với công việc của người giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông;</p> <p>C3.3. Vận dụng các nguyên tắc giao tiếp, các phong cách giao tiếp sư phạm trong các tình huống giao tiếp trong cuộc sống và trong môi trường sư phạm;</p>
C4	<p>C4.1. Sử dụng các phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ phù hợp để truyền đạt thông tin hiệu quả đến người tiếp nhận, đạt được mục đích giao tiếp;</p> <p>C4.2. Đưa ra và bảo vệ quan điểm cá nhân về các vấn đề liên quan đến chuyên môn nghiệp vụ;</p> <p>C4.3. Lên kế hoạch rèn luyện kỹ năng giao tiếp và giao tiếp sư phạm trong các tình huống</p> <p>C4.4. Giải quyết linh hoạt và sáng tạo các vấn đề phát sinh trong thực tiễn giảng dạy và trong cuộc sống</p>
C5	<p>C5.1 Vận dụng kiến thức về ngữ âm – âm vị học để đạt hiệu quả trong giao tiếp và giảng dạy;</p> <p>C5.2. Vận dụng kiến thức về từ vựng để đạt hiệu quả trong giao tiếp và và giảng dạy;</p> <p>C5.3. Vận dụng kiến thức về ngữ pháp để đạt hiệu quả trong giao tiếp và giảng dạy.</p>
C6	<p>C6.1. Có hiểu biết về văn hóa Việt nam và văn hóa của các nước nói tiếng Anh</p> <p>C6.2. Có năng lực giao tiếp với mọi người đến từ các nền văn hóa khác nhau.</p>
C7	C7.1. Có năng lực nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh đáp ứng các tiêu chí của bậc 6 trong khung NLNN 6 bậc dành cho Việt Nam hoặc tương đương.
C8	<p>Nghiên cứu và cập nhật chương trình phổ thông môn tiếng Anh, chương trình hoạt động trải nghiệm và hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp.</p> <p>C8.1. Kịp thời cập nhật những thay đổi trong chương trình giáo dục phổ thông</p> <p>C8.2. Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông linh hoạt và hiệu quả</p>
C9	<p>C9.1. Vận dụng được tri thức về tâm lý học, tâm lý học lứa tuổi, tâm lý học sư phạm để thực hiện hiệu quả hoạt động dạy học, hoạt động giáo dục và các nhiệm vụ khác của người giáo viên tiếng Anh ở trường phổ thông;</p> <p>C9.2. Vận dụng được tri thức về lý luận dạy học, lý luận giáo dục và hệ thống phương pháp, kỹ thuật dạy học tiếng Anh để thực hiện hiệu quả hoạt động dạy học, hoạt động giáo dục và các nhiệm vụ khác của người giáo viên tiếng Anh ở trường phổ thông;</p>
C10	<p>C10.1. Đánh giá sự phù hợp của các công cụ đánh giá với mục đích đánh giá người học;</p> <p>C10.2. Đánh giá được các công cụ đánh giá dựa trên các nguyên tắc cơ bản;</p> <p>C10.3. Thiết kế được các công cụ đánh giá tuân thủ theo các nguyên tắc cơ bản;</p> <p>C10.4. Kết hợp các phương pháp đánh giá khác nhau để đánh giá năng lực và tiến bộ của người học;</p> <p>C10.5. Cung cấp minh chứng và phản hồi về kết quả đánh giá năng lực người học</p>
C11	C11.1. Phân tích điểm mạnh điểm yếu của tài liệu và dựa vào bối cảnh lớp học cụ thể để chỉnh sửa học liệu.

Chuẩn đầu ra	Chỉ số thực hiện
	<p>C11.2. Áp dụng phù hợp 5 kỹ thuật chỉnh sửa tài liệu bản (Thêm, bớt, sửa, đơn giản hoá và sắp xếp lại)</p> <p>C11.3. Thiết kế học liệu dựa trên tài liệu thực tế từ bài hát, thơ/văn, báo, trích đoạn phim ... phù hợp với trình độ và hứng thú của học sinh.</p>
C12	<p>C12.1. Lựa chọn và sử dụng thành thục các ứng dụng công nghệ thông tin và thiết bị công nghệ thích hợp để tổ chức hiệu quả hoạt động dạy học tiếng Anh ở trường phổ thông;</p> <p>C12.2. Sử dụng được các phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản và thiết bị công nghệ thông dụng vào giáo dục và quản lí học sinh;</p> <p>C12.3. Sử dụng được các phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản và thiết bị công nghệ thông dụng để hỗ trợ phát triển chuyên môn nghiệp vụ.</p>
C13	<p>C13.1. Xác định được quy trình và nguyên tắc tư vấn, tham vấn, hướng dẫn học sinh giải quyết vấn đề cụ thể;</p> <p>C13.2. Vận dụng được các phương pháp, kĩ thuật phù hợp để tìm hiểu nhu cầu, khó khăn của học sinh từ đó lập kế hoạch tư vấn cho từng đối tượng.</p>
C14	<p>C14.1. Đề xuất các giải pháp phối hợp, kêu gọi các bên liên quan tham gia vào quá trình giáo dục học sinh;</p> <p>C14.2. Lên kế hoạch tổ chức các chương trình/ dự án /hoạt động trao đổi, kết nối cộng đồng (hoạt động ngoại khóa, họp phụ huynh).</p>
C15	<p>C15.1. Chủ động cập nhật và chia sẻ các xu hướng và chính sách giáo dục mới;</p> <p>C15.2. Hoàn thành các khóa bồi dưỡng chuyên môn theo quy định;</p> <p>C15.3. Lên kế hoạch học tập và bồi dưỡng chuyên môn thường xuyên cho bản thân.</p>
C16	<p>C16.1. Thường xuyên tiếp cận các đề tài nghiên cứu trong lĩnh vực giảng dạy tiếng Anh;</p> <p>C16.2. Xác định được quy trình và các phương pháp nghiên cứu;</p> <p>C16.3. Vận dụng các phương pháp phù hợp để tiến hành các đề tài nghiên cứu khoa học ứng dụng trong lĩnh vực giảng dạy tiếng Anh.</p>
C17	<p>C17.1. Hiểu được các ý chính của một văn bản hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng bằng tiếng Trung Quốc/Hàn Quốc về các chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí, v.v...</p> <p>C17.2. Có thể xử lí hầu hết các tình huống đơn giản yêu cầu sử dụng tiếng Trung Quốc/Hàn Quốc xảy ra trong giao tiếp thường ngày;</p> <p>C17.3. Viết được văn bản tiếng Trung Quốc/ Hàn Quốc đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm;</p> <p>C17.4. Sử dụng tiếng Trung Quốc/ Hàn Quốc để mô tả những kinh nghiệm, sự kiện, giấc mơ, hy vọng, hoài bão, kế hoạch của bản thân và trình bày ngắn gọn các lý do liên quan.</p>

### 3. Chuẩn đầu vào

Tốt nghiệp trung học phổ thông của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương; Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT về ngưỡng đầu vào đối với ngành đào tạo giáo viên.

#### 4. Khối lượng kiến thức toàn khóa

TT	Các khối kiến thức	Số tín chỉ
<b>I</b>	<b>Giáo dục đại cương</b> (Không tính các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng và An ninh)	<b>22</b>
<b>II</b>	<b>Giáo dục chuyên ngành</b>	<b>113</b>
II.1	Kiến thức ngôn ngữ	<b>12</b>
	- Bắt buộc	08
	- Tự chọn	04
II.2	Kiến thức Văn hóa - Văn học	<b>8</b>
	- Bắt buộc	6
	- Tự chọn	2
II.3	Kiến thức tiếng	50
II.4	Nghiệp vụ sư phạm	<b>36</b>
	- Bắt buộc	32
	- Tự chọn	4
II.5	Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế	07
	<b>TỔNG</b>	<b>135</b>

#### 5. Chiến lược dạy - học

Chương trình đào tạo nhằm giúp người học: Phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực, thấm nhuần giá trị văn hóa dân tộc và trách nhiệm xã hội; Phát huy tối đa tiềm năng, hình thành tư duy mở, khả năng thích ứng nhanh chóng trước sự thay đổi; Hình thành khả năng học tập và làm việc trong môi trường đa văn hóa, khả năng tiếp thu tiến bộ khoa học.

Các chiến lược dạy - học được ưu tiên sử dụng là:

(1) **Dạy học phân hóa** (Differentiated Instruction): Nội dung giảng dạy và hoạt động dạy - học khác nhau được tổ chức, điều chỉnh để phù hợp với đặc điểm cá nhân của người học, giúp mọi người học có thể học tập hiệu quả bất kể sự khác biệt về khả năng của họ. Đánh giá quá trình được tăng cường sử dụng để đảm bảo các trải nghiệm học tập có thể được kịp thời điều chỉnh theo đặc điểm cá nhân người học.

(2) **Học tập tích cực** (Active Learning): Người học tích cực và chủ động tham gia vào quá trình học tập. Bằng cách sử dụng các chiến lược học tập tích cực (như: làm việc nhóm nhỏ, đóng vai, nghiên cứu trường hợp điển hình,...), người học tăng thêm hứng thú và động lực học tập, phát triển tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, kỹ năng xã hội....

(3) **Học tập theo câu hỏi** (Inquiry-Based Learning): Người học đặt câu hỏi một cách tự nhiên hoặc được yêu cầu đặt câu hỏi về một chủ đề cụ thể. Người học tự mình nghiên cứu

hay tham gia vào các hoạt động với sự cộng tác để theo đuổi và tìm câu trả lời, qua đó phát triển kiến thức hoặc giải pháp, rèn luyện kỹ năng tư duy và giải quyết vấn đề.

(4) **Học tập kết hợp** (Blended Learning): Người học thực hiện một phần quá trình học tập của mình trong môi trường kỹ thuật số độc lập và một phần trong môi trường lớp học trực tiếp. Người học được tạo cơ hội học tập theo thời gian cá nhân và có các tương tác trực tiếp để củng cố những gì họ đã học được.

(5) **Lớp học đảo ngược** (flipped classroom): Người học được cung cấp tài liệu học tập và hướng dẫn học tập, chủ động tìm hiểu các nội dung học tập và thực hiện các nhiệm vụ trước khi lên lớp theo yêu cầu và dưới sự hỗ trợ của người dạy. Thời gian lên lớp trực tiếp

(6) **Học tập hợp tác**: Tổ chức các hoạt động học tập theo nhóm để người học hoàn thành nhiệm vụ chung hướng tới mục tiêu học tập. Người học có thể tận dụng các nguồn lực và kỹ năng của nhau, phát triển các kỹ năng hợp tác, giao tiếp và xã hội.

## 6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

### 6.1. Quy trình đào tạo

#### 6.1.1. Chương trình đào tạo

a) Chương trình đào tạo được tổ chức theo khoá học, năm học và học kì.

b) Thời gian học tập chuẩn cho một khóa đào tạo là 4 năm. Thời gian tối đa để hoàn thành khoá học là 8 năm.

c) Một năm học có hai học kì chính và có thể có một học kì phụ.

Học kì chính có 15 tuần thực học và 3 tuần thi.

Học kì phụ có 5 tuần thực học và 1 tuần thi, được tổ chức cho sinh viên học lại, học vượt hoặc học thêm các học phần ngoài chương trình đào tạo. Sinh viên đăng kí tham gia học kì phụ trên cơ sở tự nguyện, không bắt buộc. Việc tổ chức học kì phụ được căn cứ vào tình hình cụ thể từng năm học.

Ngoài ra, còn một số tuần dành cho các hoạt động khác như học Giáo dục quốc phòng và an ninh, kiến tập, thực tập, nghỉ hè, nghỉ tết.

#### 6.1.2. Phương thức tổ chức đào tạo

a) Hoạt động đào tạo được tổ chức theo từng lớp học phần, cho phép sinh viên tích lũy tín chỉ của từng học phần và thực hiện chương trình đào tạo theo kế hoạch học tập của cá nhân, phù hợp với kế hoạch giảng dạy của trường.

b) Sinh viên không đạt một học phần bắt buộc sẽ phải học lại học phần đó hoặc học một học phần tương đương theo quy định trong chương trình đào tạo, hoặc học một học phần thay thế nếu học phần đó không còn được giảng dạy.

c) Sinh viên không đạt một học phần tự chọn sẽ phải học lại học phần đó hoặc có thể chọn học một học phần tự chọn khác theo quy định trong chương trình đào tạo.

## **6.2. Điều kiện tốt nghiệp**

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- a) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;
- b) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;
- c) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

## **7. Cách thức đánh giá**

### **7.1. Chiến lược đánh giá**

Hoạt động đánh giá được thiết kế theo tiếp cận năng lực, kết hợp hợp lý giữa đánh giá kết quả học tập, đánh giá vì học tập và đánh giá như học tập, nhằm:

- Phản ánh chính xác, công bằng, minh bạch năng lực của người học theo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra, qua đó xác thực hiệu quả của chương trình đào tạo.
- Hỗ trợ và thúc đẩy cải thiện việc học tập của người học, cải tiến phương pháp giảng dạy của giảng viên và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo.

### **7.2. Đánh giá kết quả học tập**

Đánh giá kết quả học tập tuân thủ Quy định đào tạo trình độ đại học hiện hành của Trường ĐHSP Hà Nội 2. Cụ thể:

#### **7.2.1. Đánh giá học phần**

Kết quả học tập học phần được đánh giá qua các hình thức phù hợp để đo lường mức độ đạt được chuẩn đầu ra của học phần, được thể hiện bởi một điểm học phần. Điểm học phần được tính dựa trên các điểm thành phần. Các điểm thành phần được đánh giá theo thang điểm 10 (được làm tròn tới một chữ số thập phân). Các hình thức đánh giá, loại điểm thành phần và trọng số mỗi loại điểm thành phần được thể hiện rõ trong đề cương chi tiết của học phần.

#### **7.2.2. Đánh giá kết quả học tập theo học kì, năm học**

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ hoặc sau từng năm học, dựa trên kết quả các học phần nằm trong yêu cầu của chương trình đào tạo mà sinh viên đã học và có điểm theo các tiêu chí sau đây:

- a) Tổng số tín chỉ của những học phần mà sinh viên không đạt trong một học kỳ, trong một năm học, hoặc nợ đọng từ đầu khóa học;
- b) Tổng số tín chỉ của những học phần mà sinh viên đã đạt từ đầu khóa học (số tín chỉ tích lũy), tính cả các học phần được miễn học, được công nhận tín chỉ;
- c) Điểm trung bình của những học phần mà sinh viên đã học trong một học kỳ (điểm trung bình học kỳ), trong một năm học (điểm trung bình năm học) hoặc tính từ đầu khóa học



(điểm trung bình tích lũy), tính theo điểm chính thức của học phần và trọng số là số tín chỉ của học phần đó.

## 8. Nội dung chương trình

### 8.1. Khung chương trình

Số TT	Môn học	Mã số	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					Học phần tiên quyết
				Lên lớp			Thực tập, thực tế	Tự học, tự nghiên cứu	
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành			
<b>I</b>	<b>Giáo dục đại cương</b>		<b>22</b>						
<b>I.1</b>	<b>Giáo dục chính trị</b>								
1	Triết học Mác – Lê nin	CT111	3	32	26			92	
2	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin	CT112	2	21	18			61	
3	Chủ nghĩa Xã hội Khoa học	CT113	2	21	18			61	
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	CT103	2	21	18			61	
5	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	CT115	2	21	18			61	
<b>I.2</b>	<b>Kiến thức đại cương</b>								
6	Pháp luật đại cương	PL101	2	15	30			55	
7	Tin học	TH101	2	15	15	15		55	
<b>I.3</b>	<b>Ngoại ngữ 2: Chọn 01 trong 02 lựa chọn sau:</b>								
Tự chọn Ngoại ngữ 2 (01)									
8	Trung Quốc 1	TQ101	3	30	30			90	
9	Trung Quốc 2	TQ102	2	15	30			55	TQ101
10	Trung Quốc 3	TQ103	2	15	30			55	TQ102
Tự chọn Ngoại ngữ 2 (02)									
11	Hàn Quốc 1	HQ101	3	30	30			90	
12	Hàn Quốc 2	HQ102	2	15	30			55	HQ101
13	Hàn Quốc 3	HQ103	2	15	30			55	HQ102
<b>I.4</b>	<b>Giáo dục thể chất</b>								
14	Giáo dục thể chất 1	TC101	1			30		20	
15	Giáo dục thể chất 2	TC102	1			30		20	
16	Giáo dục thể chất 3	TC103	1			30		20	
<b>II</b>	<b>Giáo dục chuyên nghiệp</b>		<b>70</b>						
<b>II.1</b>	<b>Kiến thức tiếng</b>		<b>50</b>						

Số TT	Môn học	Mã số	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					
				Lên lớp			Thực tập, thực tế	Tự học, tự nghiên cứu	Học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành			
17	Luyện âm	ENG201	2	15		30		55	
18	Ngữ pháp thực hành	ENG202	2	15		30		55	
19	Nghe – Nói 1	ENG203	2	15		30		55	
20	Đọc – Viết 1	ENG204	3	30		30		90	
21	Nghe – Nói 2	ENG205	3	30		30		90	
22	Đọc – Viết 2	ENG206	3	30		30		90	
23	Nghe – Nói 3	ENG207	3	30		30		90	
24	Đọc – Viết 3	ENG208	3	30		30		90	
25	Nghe – Nói 4	ENG209	3	30		30		90	
26	Đọc – Viết 4	ENG210	3	30		30		90	
27	Nghe – Nói 5	ENG211	3	30		30		90	
28	Đọc – Viết 5	ENG212	3	30		30		90	
29	Nghe – Đọc 6	ENG213	3	30		30		90	
30	Nói – Viết 6	ENG214	3	30		30		90	
31	Nghe – Đọc 7	ENG215	3	30		30		90	
32	Nói – Viết 7	ENG216	3	30		30		90	
33	Viết Khoa học	ENG217	3	30		30		90	
34	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong ngành tiếng Anh	ENG218	2	15		30		55	
<b>II.2 Kiến thức ngôn ngữ</b>			<b>12</b>						
<i>Bắt buộc:</i>			08						
35	Cơ sở ngôn ngữ học	VH302	2	15	30			55	
36	Ngữ pháp học	ENG219	2	15	15	15		55	
37	Từ vựng - ngữ nghĩa học	ENG220	2	15	15	15		55	
38	Ngữ âm - Âm vị học	ENG221	2	15	15	15		55	
<i>Tự chọn: Chọn 02 môn trong số các môn sau:</i>			04						
39	Ngữ dụng học	ENG222	2	15	15	15		55	
40	Phân tích diễn ngôn	ENG223	2	15	15	15		55	
41	Ngôn ngữ học đối chiếu	ENG224	2	15	15	15		55	
<b>II.3 Kiến thức Văn hóa – Văn học</b>			<b>08</b>						
<i>Bắt buộc:</i>			06						
42	Cơ sở Văn hóa Việt Nam	VH201	2	15	30			55	
43	Văn hóa Anh – Mỹ	ENG225	2	15	30			55	

Số TT	Môn học	Mã số	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					
				Lên lớp			Thực tập, thực tế	Tự học, tự nghiên cứu	Học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành			
44	Văn học Anh – Mỹ	ENG226	2	15	30			55	
<i>Tự chọn: Chọn 01 trong số các môn sau:</i>			02						
45	Giao tiếp liên văn hóa	ENG227	02	15	30			55	
46	Kỹ năng thế kỷ 21	ENG228	02	15	30			55	
<b>II.4</b>	<b>Nghiệp vụ sư phạm</b>		<b>36</b>						
<b>Bắt buộc</b>			<b>32</b>						
<b>Bắt buộc chung</b>			<b>06</b>						
47	Tâm lý học đại cương (Tâm lý học 1)	TL501	2	15	30			55	
48	Những vấn đề chung về giáo dục (Giáo dục học 1)	GD501	2	15	30			55	
49	Nhập môn phương pháp giảng dạy tiếng Anh	ELT301	2	15	30			55	
<b>Chọn 1 trong hai nhánh: Sư phạm tiếng Anh hoặc Sư phạm tiếng Anh tiểu học</b>									
<b>Dành cho ngành Sư phạm tiếng Anh</b>			<b>26</b>						
50	Tâm lý học Sư phạm và tâm lý học lứa tuổi TH (Tâm lý học 2)	TL502	2	15		30		55	
51	Lý luận dạy học và lý luận giáo dục ở trường TH (Giáo dục học 2)	GD502	2	15	30			55	
52	Phương pháp và kỹ thuật giảng dạy tiếng Anh	ELT302	3	30	30			90	ELT301
53	Thực hành sư phạm 1	ELT303	3	15		60		75	ELT301
54	Công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học tiếng Anh	ELT304	2	15	30			55	ELT301
55	Kiểm tra đánh giá trong giảng dạy tiếng Anh	ELT305	2	15		15	15	55	ELT302
56	Phát triển tài liệu trong giảng dạy tiếng Anh	ELT306	2	15		15	15	55	ELT302
57	Thực hành sư phạm 2	ELT307	3	0		90		60	ELT303
58	Thực tập sư phạm 1	ELT308	3				150		ELT303
59	Thực tập sư phạm 2	ELT309	4				200		ELT308

Số TT	Môn học	Mã số	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					
				Lên lớp			Thực tập, thực tế	Tự học, tự nghiên cứu	Học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành			
<b>Dành cho ngành SP tiếng Anh tiểu học</b>			<b>26</b>						
60	Tâm lý học tiểu học (Tâm lý học 2)	TL402	2	15		30		55	
61	Giáo dục học tiểu học (Giáo dục 2)	GD402	2	15		30		55	
62	Phương pháp và kỹ thuật giảng dạy tiếng Anh cho học sinh tiểu học	ELT310	3	30	30			90	
63	Ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy tiếng Anh cho học sinh tiểu học	ELT311	2	15	30			55	
64	Thực hành sư phạm 1 (Tiểu học)	ELT312	3	15		60		75	
65	Kiểm tra đánh giá trong giảng dạy tiếng Anh bậc tiểu học	ELT313	2	15		15	15	55	
66	Phát triển tài liệu trong giảng dạy tiếng Anh bậc tiểu học	ELT 314	2	15		15	15	55	
67	Thực hành sư phạm 2 (Tiểu học)	ELT315	3			90		60	
68	Thực tập sư phạm 1 (Tiểu học)	ELT316	3				135		
69	Thực tập sư phạm 2 (Tiểu học)	ELT317	4				180		
<b>Tự chọn: Chọn 02 trong số các học phần sau:</b>			<b>04</b>						
70	Kỹ năng tư vấn cá nhân về khám phá, lựa chọn và phát triển nghề nghiệp cho học sinh TH	TL503	2	15	30			55	
71	Tham vấn học đường	TL504	2	15	30			55	
72	Giao tiếp sư phạm	TL505	2	15	30			55	

Số TT	Môn học	Mã số	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					
				Lên lớp			Thực tập, thực tế	Tự học, tự nghiên cứu	Học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành			
73	Những vấn đề giáo dục cần cập nhật	GD503	2	15	30			55	
74	Tâm lý học giới tính	TL506	2	15	30			55	
75	Tổ chức Hoạt động Trải nghiệm ở trường PT	ELT318	2	15	15	15		55	
76	Kỹ năng thuyết trình	ELT319	2	15	15	15		55	
77	Tư vấn trong giáo dục tiểu học	GT353	2	15	30			55	
78	Phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh tiểu học	GT345	2	15	15	15		55	
<b>II.5</b>	<b>Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế</b>		<b>7</b>						
79	<b>Khóa luận tốt nghiệp</b>	ELT401	<b>7</b>					350	
	<b>Các học phần thay thế</b>		<b>7</b>						
<i>Bắt buộc:</i>									
80	Phát triển năng lực giảng dạy tiếng Anh	ELT402	4	45	30			125	
<i>Tự chọn: Chọn 1 trong 2 môn sau:</i>									
81	Phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ	ENG403	3	30	30			90	
82	Ngôn ngữ học xã hội	ENG404	3	30	15	15		90	
	<b>Tổng cộng</b>		<b>135</b>						





**9. Kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa**

Mã học phần	Năm, học kỳ							
	I		II		III		IV	
	1	2	3	4	5	6	7	8
CT111	3							
TQ101/HQ101	3							
TC101	1							
VH302	2							
VH 201	2							
ENG201	2							
ENG203	3							
ENG204	3							
<b>Tổng cộng kỳ 1</b>	<b>18</b>							
CT112		2						
PL101		2						
TQ102/HQ102		2						
TH101		2						
TC102		1						
TL501		2						
GD501		2						
ENG202		2						
ENG205		3						
ENG206		3						
<b>Tổng cộng kỳ 2</b>		<b>20</b>						
<i>Bắt buộc chung (cho 2 ngành)</i>								
TQ103/HQ103			2					
TC103			1					
CT113			2					
ENG207			3					
ENG208			3					
ENG219			2					
ELT301			2					
<i>Bắt buộc dành cho ngành SPTA</i>								
TL 502			2					
GD 502			2					
<i>Bắt buộc dành cho sư phạm TA tiểu học</i>								
TL402			2					
GD402			2					
<b>Tổng cộng kỳ 3</b>			<b>18</b>					
<i>Bắt buộc chung (cho hai ngành)</i>								
CT103				2				
ENG209				3				
ENG210				3				
ENG225				2				
ENG221				2				



Mã học phần	Năm, học kỳ							
	I		II		III		IV	
	1	2	3	4	5	6	7	8
<i>Bắt buộc dành cho ngành SPTA</i>								
ELT302				3				
ELT303				3				
ELT304				2				
<i>Bắt buộc dành cho ngành SPTA tiểu học</i>								
ELT 310				3				
ELT312				3				
ELT 311				2				
<b>Tổng cộng kỳ 4</b>				<b>20</b>				
<i>Bắt buộc chung (cho hai ngành)</i>								
CT115					2			
ENG218					2			
ENG211					3			
ENG212					3			
ENG220					2			
ENG226					2			
<i>Bắt buộc dành cho ngành SPTA</i>								
ELT308					3			
<i>Bắt buộc dành cho ngành SPTA tiểu học</i>								
ELT316					3			
<b>Tổng cộng kỳ 5</b>					<b>17</b>			
<i>Bắt buộc chung (cho 2 ngành)</i>								
ENG213					3			
ENG214					3			
ENG217					2			
<i>Tự chọn chung 1: chọn 02 trong 03 môn khối KT ngôn ngữ</i>								
ENG222						2		
ENG223						2		
ENG224						2		
<i>Tự chọn chung 2: chọn 01 trong 03 môn khối KT văn hóa – Văn học</i>								
ENG227						2		
ENG228						2		
<i>Tự chọn chung 3: Chọn 01 trong số các môn sau:</i>								
TL 503						2		
GD503						2		
TL504						2		
TL505						2		



Mã học phần	Năm, học kỳ							
	I		II		III		IV	
	1	2	3	4	5	6	7	8
ELT317								4
<b>Tổng cộng kỳ 8</b>								<b>11</b>

## 10. Mô tả tóm tắt các học phần

### 10.1. *Triết học Mác - Lênin (03 tín chỉ)*

Học phần nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, cung cấp những kiến thức cơ sở, nền tảng về triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội; những nội dung cơ bản của CNDV biện chứng và những nội dung cơ bản của CNDV lịch sử. Thông qua đó, nhằm trang bị cho sinh viên thế giới quan duy vật, phương pháp luận khoa học. Học phần này có mối quan hệ trực tiếp với các học phần Kinh tế chính trị, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, các môn khoa học lý luận chính trị, khoa học tự nhiên và khoa học xã hội - nhân văn.

### 10.2. *Kinh tế chính trị Mác - Lênin (02 tín chỉ)*

Môn học trang bị cho sinh viên những hiểu biết căn bản, hệ thống về các vấn đề kinh tế chính trị của chủ nghĩa Mác – Lênin và giúp người học có khả năng lập luận, phân tích, đánh giá, vận dụng các kiến thức kinh tế chính trị cơ bản vào việc xem xét, giải quyết một vấn đề kinh tế cụ thể nảy sinh trong thực tiễn cũng như có khả năng tham gia thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Môn học là một trong ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác – Lênin.

### 10.3. *Chủ nghĩa xã hội khoa học (02 tín chỉ)*

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cốt lõi nhất về chủ nghĩa xã hội khoa học, giúp sinh viên nâng cao năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức của chủ nghĩa xã hội khoa học vào xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Môn học có vai trò là nền tảng lý luận cho các môn học khác như: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

### 10.4. *Tư tưởng Hồ Chí Minh (02 tín chỉ)*

Môn học trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh. Từ đó, giúp người học có khả năng vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống, có mục tiêu, lý tưởng và bản lĩnh chính trị vững vàng.

### 10.5. *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (02 tín chỉ)*

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tiến trình lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, qua đó nâng cao nhận thức lý luận và niềm tin đối với Đảng và sự lãnh đạo của Đảng; Môn học có mối quan hệ mật thiết với hệ thống các môn học lý luận chính trị vì đường

lối của Đảng là sự vận dụng sáng tạo, phát triển chủ nghĩa Mác – Lê nin và Tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn cách mạng Việt Nam.

#### **10.6. Pháp luật đại cương (2 tín chỉ)**

Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về lý luận nhà nước và pháp luật nói chung và hệ thống pháp luật Việt Nam nói riêng. Học phần có liên quan đến các môn học có nội dung giáo dục đạo đức và pháp luật trong chương trình ngành Sư phạm GDCC; có quan hệ trực tiếp với lĩnh vực giáo dục đạo đức – công dân trong chương trình GDPT hiện hành và môn học Giáo dục kinh tế và Pháp luật trong chương trình GDPT mới (năm 2018).

#### **10.7. Tin học (2 tín chỉ)**

Học phần tập trung vào việc cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về tin học bao gồm: kiến thức cơ bản về máy tính; kiến thức về mạng máy tính và Internet; kiến thức và kỹ năng làm việc với các ứng dụng văn phòng

#### **10.8. Tiếng Trung Quốc 1 (03 tín chỉ)**

Học phần cung cấp các kiến thức cho người bắt đầu học gồm: Ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp. Sinh viên sau khi học xong nắm được cách phát âm cơ bản, thông qua bài khóa và hội thoại, bài tập sinh viên biết giao tiếp như giới thiệu về bản thân, gia đình, sở thích, ngày tháng năm, nơi mình học tập sinh sống...

#### **10.9. Tiếng Trung Quốc 2 (02 tín chỉ)**

Học phần sử dụng giáo trình tích hợp tổng hợp các kiến thức, qua bài khóa và hội thoại, bài tập sinh viên biết giao tiếp được những chủ đề thông thường trong cuộc sống như: giới thiệu về bản thân, gia đình, sở thích, ngày tháng năm, nơi mình học tập sinh sống. Học phần giúp sinh viên nắm được các phần ngữ pháp trong tâm, câu phức, các loại bỏ ngữ và câu so sánh.

#### **10.10. Tiếng Trung Quốc 3 (02 tín chỉ)**

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên khả năng đọc được phiên âm trong các bài hội thoại hoặc đoạn văn ngắn đã được học và hiểu được cách sử dụng trọng điểm ngữ pháp, có thể tìm thông tin chính trong các bài đọc để trả lời các câu hỏi liên quan, phát triển kỹ năng đọc hiểu và hình thành được kỹ năng làm việc nhóm trong các nhóm khác nhau.

#### **10.11. Tiếng Hàn Quốc 1 (03 tín chỉ)**

Học phần giúp người mới bắt đầu học tiếp xúc với các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Hàn. Nội dung môn học bao gồm bảng chữ cái tiếng Hàn, từ vựng tiếng Hàn cơ sở, cấu trúc câu và ngữ pháp sử dụng trong tiếng Hàn. Người học sẽ học các nội dung này qua các hoạt động nói và viết, các bài tập nghe hiểu và đọc hiểu và thực hành giao tiếp. Những đặc điểm tương thích về văn hóa sẽ được giới thiệu trong suốt khóa học.

#### **10.12. Tiếng Hàn Quốc 2 (02 tín chỉ)**

Học phần củng cố những kiến thức đã học ở tiếng Hàn giao tiếp 1 nhằm nâng cao khả

năng phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết của người học. Môn học giúp người học có thêm nhiều cơ hội nâng cao khả năng nghe, nói và năng lực giao tiếp thông qua các hoạt động theo cặp và nhóm. Môn học cũng đưa ra những cấu trúc ngữ pháp phức hợp qua các bài nói. Môn học giúp người học nâng cao sự hiểu biết về cấu trúc câu và ngữ pháp tiếng Hàn và khả năng dịch giữa hai ngôn ngữ (tiếng Hàn và tiếng Anh)

### **10.13. Tiếng Hàn Quốc 3 (02 tín chỉ)**

Môn học củng cố những kiến thức đã học ở tiếng Hàn giao tiếp 2 nhằm mở rộng kỹ năng giao tiếp cơ bản tới nhiều chủ đề và các tình huống. Môn học sử dụng các ngữ liệu thực tế thể hiện việc sử dụng tiếng Hàn hiện nay cùng với việc dạy thành ngữ, các cách dùng thông dụng và ngôn ngữ Hanja phổ biến (sử dụng ký tự tiếng Trung) chiếm tới 70% lượng từ vựng tiếng Hàn và các bài tập thực hành các cấu trúc câu và ngữ pháp tiếng Hàn. Ngoài ra, người học sẽ tiếp tục thực hành dịch giữa hai ngôn ngữ là tiếng Anh và tiếng Hàn.

### **10.14. Giáo dục thể chất 1 (01 tín chỉ)**

Phần lý thuyết trang bị cho sinh viên những kiến thức về lĩnh vực GDTC, những kiến thức Y - Sinh học TDTT, kiến thức về nội dung thể dục, điền kinh (tác dụng của thể dục đối với việc rèn luyện thân thể, chạy cự ly trung bình), kiến thức về rèn luyện thân thể.

- Phần thực hành trang bị cho sinh viên những kỹ năng:

- + Thực hành các nội dung thể dục: Các bài tập đội hình, đội ngũ, bài tập thể dục.
- + Thực hành nội dung chạy cự ly trung bình.
- + Thực hành kiểm tra thể lực theo tiêu chuẩn rèn luyện thân thể.

### **10.15. Giáo dục thể chất 2 (01 tín chỉ)**

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản: lý luận GDTC, chấn thương trong tập luyện và thi đấu TDTT, y – sinh học TDTT; kiến thức, kỹ năng tổ chức, kỹ thuật cơ bản của môn thể thao (tự chọn) và trò chơi vận động. Học phần bao gồm các môn thể thao (tự chọn), mỗi tín chỉ được chia làm hai phần: lý thuyết (06 tiết), thực hành (24 tiết).

### **10.16. Giáo dục thể chất 3 (01 tín chỉ)**

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản: lý luận GDTC, chấn thương trong tập luyện và thi đấu TDTT, y – sinh học TDTT; kiến thức, kỹ năng tổ chức, kỹ thuật cơ bản của môn thể thao (tự chọn) và trò chơi vận động. Học phần bao gồm các môn thể thao (tự chọn), mỗi tín chỉ được chia làm hai phần: lý thuyết (06 tiết), thực hành (24 tiết).

### **10.17. Luyện âm (02 tín chỉ)**

Học phần Luyện âm được thiết kế nhằm giúp sinh viên chuyên Anh Khoa Ngoại ngữ, Trường ĐHSP Hà Nội 2 đạt được năng lực phát âm ở trình độ trung cấp (B1). Học phần cung cấp cho sinh viên hệ thống âm trong tiếng Anh và cách phát âm chuẩn các nguyên âm và phụ âm (English vowel and consonant sounds). Ngoài ra, học phần còn giới thiệu một số yếu tố đoạn tính (supra segmental elements) được lồng ghép vào nội dung bài học như: cách phát âm

mạnh/yếu, cách đặt dấu nhấn trọng âm từ và câu, cách nối từ, và cách nói có ngữ điệu. Khóa học cũng tập trung vào những vấn đề mà người Việt Nam thường gặp phải khi luyện phát âm. Sinh viên có cơ hội được luyện tập, thực hành phát âm các âm, từ và các câu trong tiếng Anh, và sinh viên sẽ tránh được mắc lỗi khi phát âm tiếng Anh.

#### **10.18. Ngữ pháp thực hành (02 tín chỉ)**

Sau khi học xong môn học, sinh viên (SV)/học viên (HV) sẽ nắm vững dạng thức và chức năng cũng như sử dụng thành thạo các phạm trù ngữ pháp bậc trung – cao cấp để diễn đạt lưu loát và chính xác các ý nghĩa ngữ pháp trong các phần thi nói và viết của các đề thi quốc tế hiện hành.

#### **10.19. Nghe - Nói 1 (03 tín chỉ)**

Học phần dành cho đối tượng là sinh viên năm thứ nhất ngành cử nhân Sư phạm Anh và Ngôn ngữ Anh. Nội dung môn học được thiết kế theo tuần với thời lượng của mỗi tuần được phân bổ linh hoạt để hỗ trợ kiến thức và kỹ năng cho sinh viên cho ba mục tiêu chính là phát triển kỹ năng nghe nói (skill building), phát triển kỹ năng làm bài thi VSTEP (testing) và phát triển kỹ năng học tập.

#### **10.20. Đọc - Viết 1 (03 tín chỉ)**

Đọc-Viết 1 là môn học bắt buộc đầu tiên trong khối kiến thức chuyên nghiệp của chương trình thực hành tiếng trong chương trình đào tạo cử nhân tiếng Anh. Môn học trang bị cho sinh viên một khối lượng kiến thức và kỹ năng tương đối hệ thống về các chủ đề thuộc các lĩnh vực khoa học và xã hội. Môn học cung cấp kiến thức khoa học và xã hội nền tảng cho sinh viên, xây dựng và hình thành các kỹ năng học tập như kỹ năng đọc hiểu, thẩm thấu bài đọc, kỹ năng làm bài và kỹ năng tự học, tự tìm hiểu. Bên cạnh đó, môn học cũng cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về câu, dấu câu, các kỹ thuật liên kết câu từ đó giúp sinh viên vận dụng hiệu quả vào việc viết ở mức độ cơ bản các đoạn văn ngắn.

#### **10.21. Nghe - Nói 2 (03 tín chỉ)**

Nghe – Nói 2 là một môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh. Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức thực hành về 2 kỹ năng Nghe – Nói. Môn học có sự liên thông từ môn Nghe – Nói 1 sau khi sinh viên đã được học các kỹ năng Nghe – Nói cơ bản cùng với những chiến thuật để giúp ích sinh viên tiếp cận với hai kỹ năng. Môn học tập trung rèn luyện kỹ năng Nghe- Nói cho sinh viên ở những chủ đề khác nhau với những kỹ năng học tập cần thiết phục vụ cho việc học của sinh viên. Bên cạnh đó, môn học còn trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng thực hành nghe, nói theo định dạng PET.

#### **10.22. Đọc - Viết 2 (03 tín chỉ)**

Đọc-Viết 2 là một môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân tiếng Anh. Môn học trang bị cho sinh viên một khối lượng kiến thức và kỹ năng tương đối hệ thống về

các chủ đề thuộc các lĩnh vực khoa học và xã hội. Môn học cung cấp kiến thức khoa học và xã hội nền tảng cho sinh viên, xây dựng và hình thành các kỹ năng học tập như kỹ năng đọc hiểu, thẩm thấu bài đọc, kỹ năng làm bài và kỹ năng tự học, tự tìm hiểu. Đồng thời, sinh viên có thể phân tích cấu trúc câu, viết câu và bước đầu thực hành dùng câu đơn giản để viết những văn bản ngắn đúng ngữ pháp, ngữ nghĩa. Sinh viên có nền tảng tốt để chuẩn bị cho việc viết đoạn văn hoàn chỉnh sau này.

### **10.23. Nghe - Nói 3 (03 tín chỉ)**

*Nghe – Nói 3* là một môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo sinh viên ngành tiếng Anh. Môn học tiếp tục củng cố và phát triển cho sinh viên kiến thức cũng như kỹ năng thực hành nghe nói tiếng Anh. Bên cạnh đó, môn học cũng bước đầu định hướng và giúp sinh viên làm quen với định dạng bài thi FCE ở kỹ năng nghe – nói, tạo cơ sở vững chắc cho sinh viên đạt chuẩn đầu ra.

### **10.24. Đọc - Viết 3 (03 tín chỉ)**

*Đọc-Viết 3* là một môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân tiếng Anh. Môn học trang bị cho người học các kỹ năng đọc hiểu và kiến thức nền để đọc hiểu văn bản về các chủ đề khác nhau. Môn học cũng trang bị cho sinh viên kiến thức thực hành khá sâu về đoạn văn, các kiểu đoạn văn đơn giản, thông dụng với kiến thức ngữ pháp và lượng từ vựng ở trình độ trung cấp. Môn học giúp sinh viên có thể phân tích cấu trúc đoạn văn, các kiểu đoạn văn và thực hành dùng đa dạng các loại câu để viết những đoạn văn đúng bố cục cấu trúc, ngữ pháp và ngữ nghĩa. Sinh viên có nền tảng tốt để chuẩn bị cho việc viết bài luận hoàn chỉnh sau này.

### **10.25. Nghe - Nói 4 (03 tín chỉ)**

*Nghe – Nói 4* là một môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo sinh viên ngành tiếng Anh. Môn học tiếp tục củng cố và phát triển cho sinh viên kiến thức cũng như kỹ năng thực hành nghe nói tiếng Anh. Bên cạnh đó, môn học bước đầu định hướng sinh viên làm quen với định dạng bài thi nghe - nói của IELTS.

### **10.26. Đọc - Viết 4 (03 tín chỉ)**

Kết thúc học phần, người học được cung cấp vốn từ vựng, cấu trúc câu phức tạp để có thể đọc hiểu những bài đọc về các chủ đề khác nhau của cuộc sống như bản ngã, suy nghĩ, kỹ năng sống, tương lai... Đồng thời, người học được trang bị vốn từ vựng, định dạng và phương pháp viết một bài báo cáo miêu tả bảng biểu/ quá trình/ bản đồ.

### **10.27. Nghe - Nói 5 (03 tín chỉ)**

Học phần dành cho đối tượng là sinh viên năm thứ ba ngành cử nhân Sư phạm Anh và Ngôn ngữ Anh. Nội dung môn học được thiết kế theo tuần với thời lượng của mỗi tuần được phân bổ linh hoạt để hỗ trợ kiến thức và kỹ năng cho sinh viên cho ba mục tiêu chính là phát triển kỹ năng nghe nói (skill building), phát triển kỹ năng làm bài thi VSTEP (testing) và phát

triển kỹ năng học tập và tư duy phản biện (study skills and critical thinking skills).

**10.28. Đọc - Viết 5 (03 tín chỉ)**

Học phần cung cấp cho người học vốn từ vựng, cấu trúc câu phức tạp để có thể đọc hiểu những bài đọc về các chủ đề khác nhau của cuộc sống như mạng xã hội, thể thao, ngôn ngữ, và văn hóa-văn minh,... Đồng thời, người học được trang bị vốn từ vựng, định dạng và phương pháp viết các loại thư khác nhau.

**10.29. Nghe - Đọc 6 (03 tín chỉ)**

Nghe - Đọc 6 là một môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Tiếng Anh. Môn học hướng cho sinh viên những kỹ năng Nghe và Đọc theo định dạng bài thi quốc tế IELTS. Môn học trang bị cho sinh viên một khối lượng kiến thức và kỹ năng tương đối hệ thống về các chủ đề thuộc các lĩnh vực khoa học và xã hội.

**10.30. Nói - Viết 6 (03 tín chỉ)**

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về cấu trúc bài luận và viết các kiểu bài luận với kiến thức ngữ pháp và lượng từ vựng ở mức độ phong phú và chính xác khá cao về những chủ đề khá phức tạp. Môn học giúp sinh viên có thể phân tích cấu trúc của một bài luận, đặc trưng của các kiểu bài luận và thực hành dùng đa dạng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp để viết những bài luận đúng bố cục cấu trúc, ngữ pháp và ngữ nghĩa. Bên cạnh đó, môn học cũng cố và phát triển cho sinh viên kiến thức thực hành nói tiếng Anh để có thể giao tiếp độc lập ở mức độ nâng cao với khả năng diễn đạt lưu loát, ngữ điệu tự nhiên; cấu trúc câu tương đối dài phức tạp về những vấn đề khác nhau trong cuộc sống, có thể phát triển hoàn chỉnh một chủ đề được cung cấp một cách linh hoạt và tự nhiên.

**10.31. Nghe - Đọc 7 (03 tín chỉ)**

Nghe - Đọc 7 là một môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo sinh viên ngành tiếng Anh. Môn học tiếp tục củng cố và phát triển cho sinh viên kiến thức thực hành nghe đọc tiếng Anh, bao gồm:

- *Đọc*: Có thể hiểu chi tiết các văn bản dài, phức tạp kể cả các văn bản không thuộc lĩnh vực chuyên môn của mình; có thể hiểu được nhiều loại văn bản dài và phức tạp, cảm thụ được các nét khác biệt nhỏ giữa các văn phong, giữa nghĩa đen và nghĩa bóng; phát triển các kỹ năng đọc hiểu như đọc lấy thông tin và lập luận, đọc tìm thông tin.

- *Nghe*: Có thể theo dõi và hiểu được những tranh luận, lập luận mang tính trừu tượng; có thể theo dõi và hiểu được các bài giảng hay bài thuyết trình chuyên ngành có sử dụng nhiều lối nói thông tục, chứa đựng các yếu tố văn hóa hoặc các thuật ngữ không quen thuộc; có thể theo dõi và hiểu được các cuộc hội thoại phức tạp giữa người bản ngữ ngay cả khi nội dung là những chủ đề trừu tượng phức tạp, không quen thuộc.

**10.32. Nói - Viết 7 (03 tín chỉ)**

*Nói-Viết 7* là một môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm tiếng



Anh. Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức thực hành nâng cao về viết thư và viết các kiểu bài luận với kiến thức ngữ pháp và lượng từ vựng ở mức độ phong phú và chính xác khá cao về những chủ đề khá phức tạp. Môn học tập trung rèn luyện kỹ năng viết thư theo đúng định dạng, sử dụng ngôn ngữ phù hợp theo mục đích của từng loại thư. Môn học giúp sinh viên có thể phân tích cấu trúc của một bài luận, đặc trưng của các kiểu bài luận và thực hành dùng đa dạng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp để viết những bài luận đúng bố cục cấu trúc, ngữ pháp và ngữ nghĩa.

Bên cạnh đó, môn học củng cố và phát triển cho sinh viên kiến thức thực hành nói tiếng Anh để có thể giao tiếp độc lập ở mức độ nâng cao với khả năng diễn đạt lưu loát, ngữ điệu tự nhiên; cấu trúc câu tương đối dài phức tạp về những vấn đề khác nhau trong cuộc sống. Môn học tập trung vào rèn luyện kỹ năng lập luận, trình bày/nhận định một vấn đề, đưa ra ý kiến tán thành/không tán thành đối với những luận điểm tương đối khó, đòi hỏi năng lực tư duy phản biện và lập luận sắc bén. Môn học giúp sinh viên thành thạo kỹ năng trả lời câu hỏi về các chủ đề quen thuộc (Part 1), trình bày thảo luận giải pháp với lập luận hợp lý (Part 2) và phát triển chủ đề với những luận điểm chặt chẽ, logic (Part 3) trong đề thi nói VSTEP một cách ngắn gọn, trôi chảy, hệ thống, chính xác và đạt hiệu quả cao. Sinh viên có thể hoàn thiện năng lực ngôn ngữ trình độ C1/cận C1 theo chuẩn VSTEP.

### **10.33. Viết khoa học (02 tín chỉ)**

Môn học dành cho đối tượng là sinh viên năm thứ ba ngành cử nhân Sư phạm Anh và Ngôn ngữ Anh. Môn học được thiết kế để đáp ứng nhu cầu và bổ trợ kiến thức và kỹ năng cho sinh viên về viết học thuật để chuẩn bị cho việc thực hiện viết khóa luận cuối khóa học. Nội dung khóa học được thiết kế theo tuần với những chủ điểm viết khác nhau và được tổ chức dưới dạng workshop có tính tương tác và thực hành cao. Khóa học tập trung hướng dẫn sinh viên những phạm trù ngôn ngữ và những kỹ thuật khác nhau để viết logic, hiệu quả trong từng phần của một báo cáo nghiên cứu. Sinh viên tham gia khóa học sẽ thực hiện các hoạt động làm việc cá nhân, theo cặp và theo nhóm để phân tích các bài viết mẫu và áp dụng kỹ thuật được học vào thực hành viết.

### **10.34. Phương pháp nghiên cứu khoa học trong ngành tiếng Anh (02 tín chỉ)**

Đây là học phần bắt buộc dành cho sinh viên đang theo học chuyên ngành Sư phạm tiếng Anh tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2. Học phần giới thiệu cho sinh viên các kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học bao gồm các khái niệm cơ bản, các nguyên tắc về nghiên cứu và các loại hình nghiên cứu khoa học. Môn học cũng tạo ra các cơ hội tiếp xúc và thực hành cơ bản đầu tiên nhằm tiến hành một nghiên cứu khoa học. Học phần có mối liên hệ gần gũi với các học phần: Viết khoa học và khóa luận tốt nghiệp.

### **10.35. Cơ sở ngôn ngữ học (Dẫn luận ngôn ngữ học) (02 tín chỉ)**

Học phần trang bị cho người học những tri thức tổng quan về ngôn ngữ học (bản chất

xã hội và chức năng của ngôn ngữ, tính hệ thống của tín hiệu ngôn ngữ, nguồn gốc của ngôn ngữ, phân loại ngôn ngữ theo nguồn gốc và loại hình...) và các phân ngành quan trọng của ngôn ngữ học (ngữ âm học, từ vựng học, ngữ pháp học, ngữ dụng học). Từ đó, giúp người học vận dụng thành thạo những tri thức về ngôn ngữ học để lí giải, phân tích các hiện tượng ngôn ngữ trong hoạt động giao tiếp.

### **10.36. Ngữ pháp học (02 tín chỉ)**

Ngữ pháp học (Grammar) là một môn học bắt buộc đối với sinh viên chuyên ngành Sư phạm tiếng Anh. Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức lý thuyết sâu, mang tính hệ thống về ngữ pháp tiếng Anh bao gồm kiến thức chủ yếu về từ loại (Từ, cụm từ) và cú pháp (Mệnh đề, các loại mệnh đề, Câu và các loại câu).

### **10.37. Từ vựng - ngữ nghĩa học (02 tín chỉ)**

Đây là môn học bắt buộc dành cho sinh viên đang theo học chuyên ngành Sư phạm tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2. Môn học trang bị cho sinh viên nắm bắt các đặc điểm về từ vựng của ngôn ngữ tiếng Anh như cấu tạo của từ: từ đơn, từ ghép, các kiểu tập hợp từ và mối quan hệ từ như: từ đồng âm, từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa và các phương pháp chuyển nghĩa của từ như: ẩn dụ, hoán dụ, nói quá, nói giảm nói tránh. Qua đó, SV có thể sử dụng linh hoạt ý nghĩa của từ nhằm biểu đạt mục đích mà người nói cần hướng tới.

### **10.38. Ngữ âm - âm vị học (02 tín chỉ)**

Đây là môn học bắt buộc dành cho sinh viên đang theo học chuyên ngành Sư phạm tiếng Anh tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản liên quan đến đặc điểm về ngữ âm, âm vị trong tiếng Anh nhằm giúp sinh viên có cái nhìn chi tiết hơn về hệ thống ngữ âm, âm vị, từ đó trau dồi và nâng cao khả năng phát âm chuẩn mực, nói tiếng Anh có ngữ điệu và có trọng âm nhằm thể hiện đầy đủ mục đích đa dạng của lời nói.

### **10.39. Ngữ dụng học (02 tín chỉ)**

Đây là môn học tự chọn dành cho sinh viên đang theo học chuyên ngành Sư phạm tiếng Anh tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2. Môn học cung cấp cho sinh viên các khái niệm và vấn đề cơ bản trong nghiên cứu dụng học như: các khái niệm về quy chiếu, trực chỉ, các loại nghĩa hàm ẩn trong ngôn ngữ (tiền giả định, hàm ẩn hội thoại và hàm nghĩa), lý thuyết hành vi ngôn ngữ (lý thuyết của John L. Austin, lý thuyết của John R. Searle...) các nhân tố giao tiếp và quy tắc giao tiếp (vấn đề ngữ cảnh, diễn ngôn, các quy tắc về bảo tồn giá trị hữu ích, lịch sự, hợp tác hội thoại ...)... Đồng thời môn học cũng trang bị cho sinh viên các kỹ năng phương pháp phân tích, mô tả các vấn đề dụng học trong quá trình nghiên cứu ngôn ngữ và gợi mở những hướng tiếp cận mang tính dụng học trong việc nghiên cứu ngôn nói chung.

#### **10.40. Phân tích diễn ngôn (02 tín chỉ)**

Đây là môn học tự chọn dành cho sinh viên đang theo học chuyên ngành Sư phạm tiếng Anh tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2. Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về diễn ngôn với tư cách là một đơn vị giao tiếp, với những hình thức thể hiện và chức năng cơ bản nhất. Môn học cũng giới thiệu những đặc điểm về chủ đề, cấu trúc nội dung và những kiểu mạch lạc quyết định sự tồn tại và hình thức của diễn ngôn. Môn học giới thiệu cách tiếp cận dụng học với phân tích diễn ngôn để người học nắm được mối liên quan chặt chẽ giữa chúng. Môn học cũng cung cấp cho người học lý thuyết về hành vi ngôn ngữ và việc sử dụng kiến thức nền trong phân tích diễn ngôn.

#### **10.41. Ngôn ngữ học đối chiếu (02 tín chỉ)**

Đây là môn học bắt buộc dành cho sinh viên đang theo học chuyên ngành Sư phạm tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2. Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng về ngôn ngữ học đối chiếu Anh – Việt với các nội dung chính về lý thuyết cơ sở của ngôn ngữ học đối chiếu, nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu đối chiếu ngôn ngữ, cũng như các bình diện đối chiếu ngôn ngữ: ngữ âm – âm vị, ngữ pháp, từ vựng – ngữ nghĩa và ngữ dụng, ...

#### **10.42. Cơ sở văn hóa Việt Nam (02 tín chỉ)**

Môn học trang bị cho SV hệ thống kiến thức cơ bản về văn hóa Việt Nam (các khái niệm; chức năng của văn hóa; loại hình văn hóa gốc nông nghiệp Việt Nam; văn hóa giao tiếp của người Việt Nam; quá trình giao lưu văn hóa và kinh nghiệm lịch sử của cha ông trong giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc; thời cơ và thách thức mới trong phát triển văn hóa Việt Nam hiện nay...). Từ đó, SV trong vai trò của GV phổ thông sau này biết vận dụng những kiến thức về văn hóa Việt Nam để tổ chức dạy học tích hợp, nhằm giáo dục cho học sinh về phẩm chất đạo đức, lối sống, nhân cách; đặc biệt là giáo dục phép ứng xử văn hóa trong nhà trường và xã hội. Mỗi SV trong vai trò GV phổ thông còn trở thành người chiến sĩ trên mặt trận bảo tồn và phát huy những di sản văn hóa của dân tộc.

#### **10.43. Văn hóa Anh - Mỹ (02 tín chỉ)**

Đây là môn học bắt buộc dành cho sinh viên đang theo học chuyên ngành Sư phạm tiếng Anh tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2. Môn học trang bị cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về đất nước, con người, địa lý, lễ hội, tôn giáo cũng như thái độ của người Anh, Mỹ, từ đó nâng cao năng lực sử dụng và giao tiếp tiếng Anh, cũng như bồi đắp thêm kiến thức đa văn hóa cho sinh viên.

#### **10.44. Văn học Anh - Mỹ (02 tín chỉ)**

Đây là môn học bắt buộc dành cho sinh viên đang theo học chuyên ngành Sư phạm tiếng Anh tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2. Văn học Anh – Mỹ nghiên cứu các tác phẩm văn học trong nền Văn học Anh – Mỹ. Thông qua các nhân vật được xây dựng trong tác phẩm

và nhân sinh quan, thế giới quan mà tác giả gửi gắm trong tác phẩm; môn học giúp thúc đẩy sự phát triển và định hướng về nhân cách của sinh viên, đồng thời giúp sinh viên cảm nhận được cái hay, cái đẹp trong các tác phẩm văn học. Việc nghiên cứu các tác phẩm văn học trong nền Văn học Anh giúp sinh viên so sánh và liên hệ đến các tác phẩm văn học trong nền Văn học Việt Nam nhằm đạt được một cái nhìn tương đối bao quát về văn học nói chung.

#### **10.45. Giao tiếp liên văn hóa (02 tín chỉ)**

Đây là môn học bắt buộc dành cho sinh viên đang theo học chuyên ngành Sư phạm tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2. Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng về văn hóa và liên văn hóa: đa dạng văn hóa; sức văn hóa; thành tố của văn hóa; đặc trưng và chức năng của văn hóa; mối quan hệ và ảnh hưởng của văn hóa đối với xã hội, lịch sử, tôn giáo, bản sắc, ngôn ngữ, cảnh huống. Môn học cũng cung cấp những hiểu biết về giao tiếp và giao tiếp liên văn hóa: mục đích của giao tiếp; thành tố của giao tiếp; đặc trưng của giao tiếp; giao tiếp bằng lời; giao tiếp phi lời; nguyên tắc giao tiếp; ngữ cảnh giao tiếp; không gian, thời gian giao tiếp; giao tiếp và công nghệ.

#### **10.46. Kỹ năng thế kỷ 21 (02 tín chỉ)**

Đây là môn học tự chọn dành cho sinh viên đang theo học chuyên ngành Sư phạm tiếng Anh tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2. Môn học cung cấp cho sinh viên những kỹ năng cần thiết của thế kỷ 21 nhằm áp dụng vào trong thực tiễn cuộc sống nói chung và giảng dạy nói riêng. Những kỹ năng đó bao gồm: Nhóm kỹ năng học tập và sáng tạo 4Cs (Tư duy phản biện và giải quyết vấn đề, Giao tiếp, Cộng tác, Đòi hỏi và Sáng tạo); Nhóm kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng sống (Tính linh hoạt và khả năng thích ứng, Sáng kiến & Tự định hướng, Các kỹ năng xã hội và đa văn hóa; Lãnh đạo & Trách nhiệm); Nhóm kỹ năng thông tin, truyền thông và công nghệ (sử dụng và khai thác thông tin, truyền thông, và công nghệ để phục vụ cho học tập và cuộc sống). Môn học cũng cung cấp những tình huống trong cuộc sống và giảng dạy để sinh viên có cơ hội được áp dụng những kiến thức đã học vào giải quyết vấn đề.

#### **10.47. Tâm lý học đại cương (Tâm lý học 1) (02 tín chỉ)**

Học phần trang bị cho sinh viên những đặc tính cơ bản, những đặc điểm và những quy luật chung của tâm lý và ý thức của con người như là đặc tính của bộ não và của sự phản ánh chủ quan về thế giới khách quan. Học phần có quan hệ với các học phần khác trong CTĐT như Triết học Mác-Lênin, Tâm lý lứa tuổi và tâm lý học sư phạm.

#### **10.48. Những vấn đề chung về giáo dục (Giáo dục học 1) (02 tín chỉ)**

Học phần bao gồm: những vấn đề chung về giáo dục và giáo dục học - một khoa học về giáo dục con người; mục đích, tính chất, nguyên lý giáo dục và những nhiệm vụ, nội dung giáo dục; công tác quản lý nhà trường; người giáo viên và lao động sư phạm của người giáo

viên trong nhà trường. Học phần có quan hệ chặt chẽ với với các học phần khác trong CTĐT như : Tâm lý học đại cương, Lý luận dạy học và lý luận giáo dục ở trường phổ thông.

**10.49. Nhập môn Phương pháp giảng dạy tiếng Anh (02 tín chỉ)**

Đây là môn học bắt buộc dành cho sinh viên đang theo học chuyên ngành Sư phạm tiếng Anh tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2. Môn học giới thiệu cho người học các kiến thức nền tảng về ngôn ngữ tiếng Anh; các yếu tố ảnh hưởng tới việc dạy và học ngôn ngữ; hệ thống các phương pháp giảng dạy tiếng Anh. Đồng thời, môn học rèn luyện và phát triển khả năng sử dụng tiếng Anh chuyên ngành cho sinh viên.

**10.50. Tâm lý học Sư phạm và tâm lý học lứa tuổi trung học (Tâm lý học 2) (02 tín chỉ)**

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về đặc điểm tâm lý lứa tuổi học sinh THCS và học sinh THPT, những quy luật tâm lý của các quá trình giảng dạy và giáo dục đối với học sinh; đồng thời hình thành tình cảm của sinh viên với nghề sư phạm thông qua hiểu biết về vai trò, vị trí và các yêu cầu phẩm chất, năng lực của người thầy giáo. Học phần có quan hệ với các học phần khác như: Tâm lý học đại cương, Những vấn đề chung về giáo dục học, Phương pháp giảng dạy môn học.

**10.51. Lý luận dạy học và lý luận giáo dục ở trường trung học (Giáo dục học 2) (02 tín chỉ)**

Học phần tập trung vào những vấn đề cơ bản về lý luận dạy học, lý luận giáo dục và nội dung, phương pháp công tác giáo viên chủ nhiệm lớp trong nhà trường phổ thông. Học phần có quan hệ chặt chẽ với với các học phần khác trong CTĐT như: Tâm lý học; Những vấn đề chung về giáo dục học; Phương pháp giảng dạy bộ môn; Thực hành sư phạm.

**10.52. Phương pháp và kỹ thuật dạy tiếng Anh cho học sinh trung học phổ thông (03 tín chỉ)**

Đây là học phần bắt buộc dành cho sinh viên đang theo học chuyên ngành Sư phạm tiếng Anh tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2. Học phần trang bị cho sinh viên khối lượng kiến thức lý luận về kỹ thuật quản lý lớp học, lập kế hoạch bài học, nguyên lý và các kỹ thuật dạy các thành tố (Ngữ pháp, ngữ âm, từ vựng) và kỹ năng ngôn ngữ (kỹ năng nghe, nói, đọc, viết). Học phần giúp sinh viên có cái nhìn tổng quát về các hoạt động đặc thù dùng để dạy từng kỹ năng chuyên biệt và tích hợp tương ứng với nội dung chương trình phổ thông môn tiếng Anh và sách giáo khoa phổ thông hiện hành, đồng thời rèn luyện và phát triển khả năng sử dụng tiếng Anh chuyên ngành cho sinh viên. Học phần có mối liên hệ chặt chẽ với các học phần: *Lý luận và hệ thống phương pháp giảng dạy tiếng Anh và Thực hành sư phạm 1.*

**10.53. Thực hành Sư Phạm 1**

**Tổ chức HĐ giáo dục (01 tín chỉ)**

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết khái quát nhất về: trường trung học; vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ và những kỹ năng cần thiết của người giáo viên chủ nhiệm lớp. Qua đó, tổ chức cho sinh viên thực hành trong môi trường giả định các kỹ năng công tác

giáo viên chủ nhiệm lớp; quản lý hành vi của học sinh trên lớp học để có thể vận dụng linh hoạt vào thực tiễn giáo dục trong nhà trường trung học.

Học phần có mối quan hệ mật thiết với các học phần: Tâm lý học đại cương, Những vấn đề chung về giáo dục học, Giao tiếp sư phạm.

### ***Thực hành dạy môn tiếng Anh (02 tín chỉ)***

*Thực hành Sư phạm 1* là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân sư phạm tiếng Anh. Môn học giúp sinh viên vận dụng những phương pháp và kỹ thuật dạy học đã học trong học phần “Phương pháp và kỹ thuật giảng dạy tiếng Anh” để dạy các bài cụ thể ứng với sách giáo khoa tiếng Anh phổ thông hiện hành (Sách Tiếng Anh lớp 10 và lớp 11 - tập 1). Môn học cũng rèn luyện và phát triển kỹ năng cần thiết phục vụ công việc giảng dạy ở trường phổ thông như sinh hoạt chuyên môn, nhận xét giờ dạy, giải quyết các vấn đề nảy sinh trong lớp học, hỗ trợ đồng nghiệp phát triển chuyên môn, đồng thời bước đầu hình thành cho người học phong cách sư phạm. Học phần có mối liên hệ chặt chẽ đến các học phần: *Công nghệ và truyền thông trong dạy và học ngoại ngữ, phương pháp và kỹ thuật giảng dạy tiếng Anh*.

### ***10.54. Công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học tiếng Anh (02 tín chỉ)***

Môn học này được thiết kế để trang bị cho sinh viên sư phạm Anh kiến thức và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông (CNTT&TT) trong học tập ngoại ngữ và giảng dạy/công tác trong tương lai. Mỗi bài học sẽ được thiết kế dưới dạng một workshop có tính tương tác và thực hành cao. Người học được thảo luận về các phương pháp áp dụng các công cụ trong từng lĩnh vực như trong việc học tập và giảng dạy các kỹ năng tiếng, trong thiết kế bài giảng và các công tác chuyên môn. Sau đó, người học sẽ tìm hiểu kỹ thuật sử dụng một số công cụ cụ thể và áp dụng vào thực hành việc học tập, giảng dạy hoặc các hoạt động chuyên môn. Các công cụ được đề cập trong đề cương mang tính đề xuất và khơi gợi, giảng viên và sinh viên có thể thảo luận và lựa chọn để tìm hiểu những công cụ mình quan tâm. Về hình thức học, môn học được thiết kế với hình thức tích hợp (blended learning). Môn học sẽ được tích hợp phần học trực tiếp trên lớp với phần nội dung tự học và thực hành trên giao diện Microsoft 365. Vì đây là một khóa học mang tính thực hành và tự tìm hiểu rất cao, vai trò tự học của người học cần được phát huy trong khóa học này.

### ***10.55. Kiểm tra đánh giá trong giảng dạy tiếng Anh (02 tín chỉ)***

Đây là học phần bắt buộc dành cho sinh viên đang theo học chuyên ngành Sư phạm tiếng Anh tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản liên quan tới các nguyên tắc của hoạt động kiểm tra và đánh giá trong giảng dạy tiếng Anh. Học phần giúp sinh viên có cái nhìn tổng quát về tầm quan trọng của công tác kiểm tra đánh giá, các yếu tố cơ bản cần lưu ý trong kiểm tra đánh giá, các hình thức kiểm tra đánh giá và công cụ kiểm tra đánh giá môn tiếng Anh.

### **10.56. Phát triển tài liệu trong giảng dạy tiếng Anh (02 tín chỉ)**

Đây là môn học bắt buộc dành cho sinh viên đang theo học chuyên ngành Sư phạm tiếng Anh tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2. Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức lý luận các loại tài liệu giảng dạy, các tiêu chí và nguyên tắc đánh giá, điều chỉnh tài liệu có sẵn và phát triển tài liệu mới dựa trên ngữ liệu thực tế. Ngoài ra học phần cũng tạo điều kiện cho sinh viên được vận dụng kiến thức để thực hành đánh giá và điều chỉnh tài liệu sao cho phù hợp với bài học và trình độ của học sinh. Học phần có mối quan hệ mật thiết với học phần: Phương pháp giảng dạy tiếng Anh, Kiểm tra đánh giá trong giảng dạy tiếng Anh và Thực hành sư phạm 2.

### **10.57. Thực hành Sư phạm 2**

#### ***Thực hành tổ chức hoạt động giáo dục (01 tín chỉ)***

Học phần tập trung vào việc tổ chức cho sinh viên thực hành: Công tác giáo viên chủ nhiệm lớp; tổ chức các hoạt động giáo dục/hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; tư vấn học đường trong nhà trường trung học. Học phần có mối quan hệ mật thiết với các học phần: Tâm lý học, Giáo dục học, Giao tiếp sư phạm.

#### ***Thực hành dạy môn tiếng Anh (02 tín chỉ)***

Đây là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân sư phạm tiếng Anh. Môn học giúp sinh viên vận dụng những phương pháp và kỹ thuật dạy học đã học trong học phần *Phương pháp và kỹ thuật giảng dạy tiếng Anh* và *Phát triển tài liệu trong giảng dạy tiếng Anh* để dạy các bài cụ thể ứng với sách giáo khoa tiếng Anh phổ thông hiện hành (Sách Tiếng Anh lớp 10 -12, tập 2). Môn học cũng rèn luyện và phát triển kỹ năng cần thiết phục vụ công việc giảng dạy ở trường phổ thông như sinh hoạt chuyên môn, nhận xét giờ dạy, giải quyết các vấn đề nảy sinh trong lớp học, hỗ trợ đồng nghiệp phát triển chuyên môn, đồng thời bước đầu hình thành cho người học phong cách sư phạm. Học phần có mối liên hệ chặt chẽ đến các học phần: *Công nghệ và truyền thông trong dạy và học ngoại ngữ, phương pháp và kỹ thuật giảng dạy tiếng Anh, phát triển tài liệu trong giảng dạy tiếng Anh.*

### **10.58. Thực tập sư phạm 1 (03 tín chỉ)**

### **10.59. Thực tập sư phạm 2 (04 tín chỉ)**

### **10.60. Tâm lý học tiểu học (02 tín chỉ)**

Học phần tập trung vào các vấn đề: Lí luận chung về sự phát triển tâm lý học sinh tiểu học; các đặc điểm tâm lý cơ bản, hoạt động học và các dạng hoạt động khác của học sinh tiểu học; những nội dung cơ bản về tâm lý học dạy học và tâm lý học giáo dục tiểu học, nhân cách người giáo viên tiểu học. Học phần có quan hệ chặt chẽ với những môn học: Tâm lý học đại cương, Giáo dục học tiểu học, Phương pháp dạy học môn học, Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm trong chương trình đào tạo giáo viên tiểu học.

**10.61. Giáo dục học tiểu học (02 tín chỉ)**

Học phần tập trung vào những vấn đề cơ bản về lý luận dạy học và lý luận giáo dục công tác chủ nhiệm lớp trong nhà trường tiểu học. Học phần có quan hệ chặt chẽ với các học phần khác trong CTĐT như: Tâm lý học 1; Những vấn đề chung về giáo dục học; Phương pháp giảng dạy bộ môn; Thực hành sư phạm.

**10.62. Phương pháp và kỹ thuật dạy tiếng Anh cho học sinh tiểu học (03 tín chỉ)**

Đây là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo Sư phạm tiếng Anh dành cho sinh viên đang lựa chọn nhánh Sư phạm tiếng Anh tiểu học. Môn học trang bị cho sinh viên khối lượng kiến thức lý luận về kỹ thuật quản lý lớp học, lập kế hoạch bài học, nguyên lý và các kỹ thuật dạy các thành tố (Ngữ pháp, ngữ âm, từ vựng) và kỹ năng ngôn ngữ (kỹ năng nghe, nói, đọc, viết). Môn học giúp sinh viên có cái nhìn tổng quát về các hoạt động dạy tiếng Anh đặc thù cho học sinh tiểu học tương ứng với nội dung chương trình phổ thông môn tiếng Anh và sách giáo khoa phổ thông hiện hành, đồng thời rèn luyện và phát triển khả năng sử dụng tiếng Anh chuyên ngành cho sinh viên. Học phần có mối liên hệ chặt chẽ với các học phần: *Lý luận và hệ thống phương pháp giảng dạy tiếng Anh và Thực hành sư phạm 1 (Tiểu học)*.

**10.63. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy tiếng Anh cho học sinh tiểu học (02 tín chỉ)**

Môn học này được thiết kế để trang bị cho sinh viên sư phạm Anh kiến thức và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông (CNTT&TT) trong học tập ngoại ngữ và giảng dạy tiếng Anh cho học sinh tiểu học. Mỗi bài học sẽ được thiết kế dưới dạng một workshop có tính tương tác và thực hành cao. Người học được thảo luận về các phương pháp áp dụng và kỹ thuật sử dụng các công cụ CNTT trong việc học tập, thiết kế bài giảng và giảng dạy các kỹ năng tiếng Anh cho trẻ em ở cấp tiểu học. Các công cụ được đề cập trong đề cương mang tính đề xuất và khơi gợi, giảng viên và sinh viên có thể thảo luận và lựa chọn để tìm hiểu những công cụ mình quan tâm. Về hình thức học, môn học được thiết kế với hình thức tích hợp (blended learning). Môn học sẽ được tích hợp phần học trực tiếp trên lớp với phần nội dung tự học và thực hành trên hệ thống quản lý học tập. Vì đây là một khóa học mang tính thực hành và tự tìm hiểu rất cao, vai trò tự học của người học cần được phát huy trong khóa học này.

**10.64. Thực hành sư phạm 1 (Tiểu học) (02 tín chỉ)*****Thực hành công tác chủ nhiệm lớp (01 tín chỉ)***

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết khái quát nhất về: vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ và những kỹ năng cần thiết của người giáo viên chủ nhiệm lớp; chương trình hoạt động giáo dục/trải nghiệm. Qua đó, tổ chức cho sinh viên thực hành trong môi trường giả định và tại trường tiểu học các kỹ năng công tác giáo viên chủ nhiệm lớp; quản lý hành vi của học sinh trên lớp học; tổ chức các hoạt động giáo dục/hoạt động trải nghiệm...



Học phần có mối quan hệ mật thiết với các học phần: Tâm lý học, Giáo dục học, Giao tiếp sư phạm.

***Thực hành dạy môn tiếng Anh (02 tín chỉ)***

*Thực hành Sư phạm 1 (Tiểu học)* là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân sư phạm tiếng Anh. Môn học giúp sinh viên vận dụng những phương pháp và kỹ thuật dạy học đã học trong học phần “Phương pháp và kỹ thuật giảng dạy tiếng Anh” để dạy các bài cụ thể ứng với sách giáo khoa tiếng Anh phổ thông hiện hành (Sách Tiếng Anh lớp 3, 4, 5 - tập 1). Môn học cũng rèn luyện và phát triển kỹ năng cần thiết phục vụ công việc giảng dạy ở trường phổ thông như sinh hoạt chuyên môn, nhận xét giờ dạy, giải quyết các vấn đề nảy sinh trong lớp học, hỗ trợ đồng nghiệp phát triển chuyên môn, đồng thời bước đầu hình thành cho người học phong cách sư phạm. Học phần có mối liên hệ chặt chẽ đến các học phần: *Ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy tiếng Anh cho học sinh tiểu học, phương pháp và kỹ thuật giảng dạy tiếng Anh cho học sinh tiểu học.*

***10.65. Kiểm tra đánh giá trong giảng dạy tiếng Anh bậc tiểu học (02 tín chỉ)***

Đây là học phần bắt buộc dành cho sinh viên đang theo học chuyên ngành Sư phạm tiếng Anh tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản liên quan tới các nguyên tắc của hoạt động kiểm tra và đánh giá trong giảng dạy tiếng Anh. Học phần giúp sinh viên có cái nhìn tổng quát về tầm quan trọng của công tác kiểm tra đánh giá, các yếu tố cơ bản cần lưu ý trong kiểm tra đánh giá, các hình thức kiểm tra đánh giá và công cụ kiểm tra đánh giá môn tiếng Anh.

***10.66. Phát triển tài liệu trong giảng dạy tiếng Anh bậc tiểu học (02 tín chỉ)***

Đây là môn học bắt buộc dành cho sinh viên đang theo học chuyên ngành Sư phạm tiếng Anh tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2. Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức lý luận các loại tài liệu giảng dạy, các tiêu chí và nguyên tắc đánh giá, điều chỉnh tài liệu có sẵn và phát triển tài liệu mới dựa trên ngữ liệu thực tế. Ngoài ra học phần cũng tạo điều kiện cho sinh viên được vận dụng kiến thức để thực hành đánh giá và điều chỉnh tài liệu sao cho phù hợp với bài học và trình độ của học sinh tiểu học. Học phần có mối quan hệ mật thiết với học phần: Phương pháp giảng dạy tiếng Anh cho học sinh tiểu học, Kiểm tra đánh giá trong giảng dạy tiếng Anh bậc tiểu học và Thực hành sư phạm 2 (Bậc tiểu học).

***10.67. Thực hành sư phạm 2 (Tiểu học)***

***Thực hành tổ chức hoạt động giáo dục (01 tín chỉ)***

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết khái quát nhất về: vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ và những kỹ năng cần thiết của người giáo viên chủ nhiệm lớp; chương trình hoạt động giáo dục/trải nghiệm. Qua đó, tổ chức cho sinh viên thực hành trong môi trường giả định và tại trường tiểu học các kỹ năng công tác giáo viên chủ nhiệm lớp; quản lý hành vi của

học sinh trên lớp học; tổ chức các hoạt động giáo dục/hoạt động trải nghiệm... Học phần có mối quan hệ mật thiết với các học phần: Tâm lý học, Giáo dục học, Giao tiếp sư phạm.

***Thực hành dạy môn tiếng Anh (02 tín chỉ)***

Môn học giúp sinh viên vận dụng những phương pháp và kỹ thuật dạy học đã học trong học phần *Phương pháp và kỹ thuật giảng dạy tiếng Anh cho học sinh tiểu học* và *Phát triển tài liệu trong giảng dạy tiếng Anh bậc tiểu học* để tập giảng kỹ hơn các bài cụ thể ứng với sách giáo khoa tiếng Anh phổ thông hiện hành (Sách Tiếng Anh lớp 3-5 tập 2). Môn học cũng rèn luyện và phát triển kỹ năng cần thiết phục vụ công việc giảng dạy ở trường phổ thông như sinh hoạt chuyên môn, nhận xét giờ dạy, giải quyết các vấn đề nảy sinh trong lớp học, hỗ trợ đồng nghiệp phát triển chuyên môn, đồng thời bước đầu hình thành cho người học phong cách sư phạm. Học phần có mối liên hệ chặt chẽ đến các học phần: *Phương pháp và kỹ thuật giảng dạy tiếng Anh cho học sinh tiểu học*, *Thực hành sư phạm 2 (tiểu học)*, *Điều chỉnh và phát triển tài liệu trong giảng dạy tiếng Anh cho học sinh tiểu học*.

***10.68. Thực tập sư phạm 1 (Tiểu học) (03 tín chỉ)***

***10.69. Thực tập sư phạm 2 (Tiểu học) (04 tín chỉ)***

***10.70. Kỹ năng tư vấn cá nhân về khám phá, lựa chọn và phát triển nghề nghiệp cho học sinh THPT (02 tín chỉ)***

Học phần tập trung vào cơ sở lí thuyết để tư vấn hướng nghiệp cho học sinh trung học; Khái niệm, mục đích và nhiệm vụ tư vấn hướng nghiệp; các kĩ năng và liệu pháp trong các giai đoạn tư vấn hướng nghiệp cá nhân; Hỗ trợ học sinh trung học phát triển các năng lực hướng nghiệp.

***10.71. Tham vấn học đường (02 tín chỉ)***

Học phần tập trung cung cấp cho người học kiến thức nền tảng về hoạt động tham vấn học đường bao gồm: Những vấn đề chung của tham vấn học đường; Yêu cầu về phẩm chất, năng lực và nguyên tắc đạo đức của nhà tham vấn học đường; Những nhóm kỹ năng cần thiết của một người làm tham vấn học đường.

***10.72. Giao tiếp sư phạm (02 tín chỉ)***

Môn học tập trung vào các vấn đề: Khái niệm, các nguyên tắc và các giai đoạn giao tiếp sư phạm; đặc điểm giao tiếp của học sinh trung học, các hình thức giao tiếp sư phạm ở trường trung học; các kĩ năng giao tiếp cơ bản; thực hành tổng hợp về giao tiếp sư phạm; Môn học có mối quan hệ trực tiếp, gián tiếp với những nội dung kiến thức, kĩ năng trong chương trình giáo dục phổ thông môn: Giáo dục công dân, Hoạt động trải nghiệm; gián tiếp qua các môn học khác; Môn học có quan hệ chặt chẽ với những môn Tâm lý học, Giáo dục học, Phương pháp dạy học môn học, Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm;

***10.73. Những vấn đề giáo dục cần cập nhật (02 tín chỉ)***

Học phần tập trung vào các vấn đề về đổi mới giáo dục và đào tạo nói chung và đổi mới phương pháp dạy học trong nhà trường phổ thông nói riêng. Học phần có quan hệ chặt chẽ với các học phần khác trong CTĐT như: Giáo dục học, Phương pháp giảng dạy bộ môn.

#### **10.74. Tâm lý học giới tính (02 tín chỉ)**

Môn học này cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng về sự khác biệt trong tâm lý của giới tính (chủ yếu là dị giới), bao gồm: Những vấn đề chung của tâm lý học giới tính; Những đặc điểm về giới giữa nam và nữ; Sự khác biệt về tâm lý giới tính trong đời sống tâm lý con người, ở một số lĩnh vực như: Sự khác biệt giới tính trong hôn nhân – gia đình; sự khác biệt về tâm lý giới tính trong giáo dục – đào tạo; sự khác biệt về tâm lý giới tính trong một số lĩnh vực ngành nghề và sự khác biệt về tâm lý giới tính trong khía cạnh văn hóa.

#### **10.75. Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT (02 tín chỉ)**

Học phần đề cập trọng tâm tới các vấn đề: khái niệm, mục tiêu, điều kiện, đặc điểm của hoạt động trải nghiệm ở trường THPT; nội dung, quy trình xây dựng chương trình; các hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo mang đặc thù môn tiếng Anh cho học sinh. Đặc biệt để rèn luyện những kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên, môn học tập trung vào phần thực hành: thực hành tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong dạy học tiếng Anh cho học sinh ở trường THPT; đánh giá cải tiến phát triển chuyên môn của người giáo viên.

#### **10.76. Kỹ năng thuyết trình (02 tín chỉ)**

Học phần này nhằm hướng dẫn cho sinh viên cách chọn và phát triển các đề tài thuyết trình cụ thể, chuẩn bị dàn ý chi tiết, và thực tập trình bày tại lớp. Trong khi thuyết trình, hình thành vận dụng những ngôn ngữ hình thể đã được hướng dẫn để làm cho bài nói của mình thêm sinh động, thu hút người nghe. Từ đó giúp sinh viên hình thành và phát triển kỹ năng trình bày trước công chúng với lập luận chặt chẽ, phản biện logic trên tinh thần xây dựng không chỉ ở bộ môn này mà còn ở các bộ môn khác.

#### **10.77. Tư vấn trong giáo dục tiểu học (02 tín chỉ)**

Môn học tập trung vào hướng dẫn sinh viên nghiên cứu một số kỹ năng tư vấn học đường cho học sinh tiểu học và tư vấn giáo dục cho phụ huynh, cộng đồng về giáo dục tiểu học. Môn học có mối quan hệ trực tiếp tới tất cả các thành tố của quá trình giáo dục tiểu học, bao gồm: mục tiêu giáo dục tiểu học, nội dung giáo dục tiểu học, phương pháp giáo dục học sinh tiểu học, hình thức giáo dục học sinh tiểu học, phương tiện giáo dục học sinh tiểu học, đánh giá sự phát triển của học sinh tiểu học.

#### **10.78. Phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học (02 tín chỉ)**

Môn học tập trung vào hướng dẫn sinh viên biết cách tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học theo chương trình giáo dục phổ thông 2018: tổ chức câu lạc bộ nghệ thuật, tổ chức trò chơi sáng tạo, tổ chức hoạt động ngoại khóa, tổ chức hoạt động trải nghiệm

khoa học, tổ chức hoạt động trải nghiệm nghề nghiệp, tổ chức câu lạc bộ kỹ năng sống, tổ chức hoạt động sáng tạo theo chủ đề...

**10.79. Khóa luận tốt nghiệp (07 tín chỉ)**

**10.80. Phát triển năng lực giảng dạy tiếng Anh (04 tín chỉ)**

Môn học này dành cho các sinh viên sư phạm Tiếng Anh học thay thế khóa luận tốt nghiệp ngành SPTA tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2. Môn học giúp sinh viên sư phạm năm cuối củng cố và nâng cao kiến thức về chuyên ngành giảng dạy tiếng Anh và thực hành tổng hợp các kỹ thuật giảng dạy nâng cao, để chuẩn bị sẵn sàng cho nghề nghiệp giảng dạy trong tương lai.

**10.81. Phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ (03 tín chỉ)**

Môn học này dành cho các sinh viên năm thứ tư ngành cử nhân Sư phạm Anh và Ngôn ngữ Anh tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2. Môn học giúp sinh viên nâng cao kỹ năng tiếng Anh chuyên sâu, phát triển tổng hợp kỹ năng sử dụng ngôn ngữ của sinh viên bao gồm kỹ năng Đọc, Viết, Ngữ pháp và Từ vựng ở mức độ nâng cao tương đương trình độ C1+ (bậc 5) theo khung năng lực châu Âu. Bên cạnh đó môn học cũng giúp sinh viên làm quen với định dạng các kỳ thi phổ biến như VSTEP, TOEFL, IELTS.

**10.82. Ngôn ngữ học xã hội (03 tín chỉ)**

Đây là môn học bắt buộc dành cho sinh viên đang theo học chuyên ngành Sư phạm tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2. Môn học Ngôn ngữ học xã hội nhằm cung cấp kiến thức đại cương về ngôn ngữ học xã hội, nói cách khác, về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và xã hội. Nội dung chính của môn học bao gồm Quá trình ra đời và phát triển của ngôn ngữ, Các biến thể của ngôn ngữ, Các loại hình ngôn ngữ, Tiếng Anh là ngôn ngữ toàn cầu, Tiếng Anh là ngôn ngữ cầu nối, Ngôn ngữ xã hội học và Giảng dạy ngôn ngữ.

**11. Hướng dẫn thực hiện và đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo**

**11.1. Hướng dẫn thực hiện**

Chương trình đào tạo được triển khai thực hiện tuân thủ Quy định đào tạo đại học hiện hành của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2. Trong đó:

**11.1.1. Tổ chức lớp học**

Sinh viên khi nhập học sẽ được tổ chức thành lớp ngành học và sau đó tham gia vào các lớp học phần:

a) Lớp ngành học

Lớp ngành học là lớp được tổ chức từ đầu khóa học bao gồm những sinh viên cùng khóa học và cùng ngành đào tạo. Mỗi lớp ngành học được bố trí một giảng viên làm cố vấn học tập.

b) Lớp học phần

Lớp học phần là lớp được tổ chức cho những sinh viên cùng học một học phần theo cùng thời khoá biểu, và được tổ chức dựa trên đăng ký học tập của sinh viên ở từng học kỳ.

Dựa vào dự báo và kết quả thực tế về số lượng sinh viên đăng ký học trong mỗi học kỳ, nhà trường có thể tổ chức nhiều lớp học (hoặc không tổ chức lớp học) cho một học phần. Số lượng sinh viên tối thiểu và tối đa cho mỗi lớp học được quy định phù hợp với tính chất của từng học phần và điều kiện thực tế của trường.

Khoa quản lý học phần có trách nhiệm chuyển danh sách sinh viên lớp học phần cho giảng viên giảng dạy học phần đó vào 2 thời điểm: Đầu học kỳ và sau khi có danh sách chính thức. Danh sách sinh viên chính thức của lớp học phần được chốt trong tuần thứ 6 của học kỳ chính và tuần thứ 3 của học kỳ phụ.

#### *11.1.2. Đăng kí khối lượng học tập*

##### a) Khối lượng học tập trong mỗi học kỳ

Khối lượng tối thiểu không ít hơn 2/3 khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn; Khối lượng tối đa không vượt quá 3/2 khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn.

##### b) Đăng ký học

Đầu mỗi năm học, Nhà trường thông báo lịch trình học dự kiến cho Chương trình đào tạo trong từng học kỳ, dự kiến quy mô và số lớp học phần sẽ mở, danh sách các học phần bắt buộc và tự chọn dự kiến sẽ giảng dạy, thời khóa biểu các lớp học, đề cương chi tiết và điều kiện tiên quyết để được đăng ký học cho từng học phần, dự kiến lịch kiểm tra và thi, hình thức kiểm tra và thi đối với các học phần.

- Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, tùy theo khả năng và điều kiện học tập của bản thân, từng sinh viên phải đăng ký học các học phần dự định sẽ học trong học kỳ đó. Nhà trường tổ chức 3 đợt đăng ký học trong mỗi học kỳ: đăng ký sớm, đăng ký bình thường và đăng ký muộn. Đăng ký sớm được thực hiện trước thời điểm bắt đầu học kỳ khoảng 1 tháng. Đăng ký bình thường được thực hiện khoảng 2 tuần trước thời điểm bắt đầu học kỳ. Đăng ký muộn được thực hiện trong khoảng 2 tuần lễ đầu của mỗi học kỳ hoặc trong tuần lễ đầu của học kỳ phụ cho những sinh viên muốn đăng ký học thêm hoặc đăng ký học đổi sang học phần khác khi không có lớp học.

- Riêng đối với học kỳ đầu tiên của khóa học, Nhà trường tổ chức đăng ký học tập đồng loạt cho các lớp, ngành học; sinh viên có thể đăng ký học bổ sung học phần hoặc học vượt trước ở đợt đăng ký muộn nếu điều kiện cho phép.

- Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của từng học phần và trình tự học tập của Chương trình đào tạo.

##### c) Đăng ký học lại

- Trường hợp thứ nhất: Sinh viên có học phần bắt buộc bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó ở một trong các học kỳ tiếp sau cho đến khi đạt tối thiểu điểm D. Số lần học lại không hạn chế. Nếu học phần tương đương không còn mở lớp (do chương trình đào tạo thay đổi), sinh viên phải đăng ký học lại và tích lũy các học phần thay thế theo danh mục đã được trường công bố chính thức. Danh mục học phần thay thế do Trường đơn vị đào tạo đề xuất và được Hiệu trưởng ra quyết định công bố chính thức.

- Trường hợp thứ hai: Sinh viên có học phần tự chọn bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó hoặc học đổi sang học phần tự chọn tương đương khác.

Đăng ký học lại để cải thiện điểm trung bình tích lũy:

Ngoài hai trường hợp đăng ký học lại ở trên, sinh viên được phép đăng ký học lại hoặc học đổi sang học phần tự chọn tương đương khác (nếu là học phần tự chọn) đối với các học phần có điểm từ D để cải thiện điểm trung bình tích lũy. Sinh viên học lại học phần nào phải nộp học phí học phần đó theo quy định của Nhà trường.

d) Rút bớt học phần đã đăng ký

Việc rút bớt học phần trong khối lượng học tập đã đăng ký đối với năm học có 02 học kỳ chính, được thực hiện sau 2 tuần kể từ đầu học kỳ chính và không muộn quá 5 tuần, sau 1 tuần kể từ đầu học kỳ phụ và không muộn quá 2 tuần; đối với năm học có 03 học kỳ chính, được thực hiện sau 1 tuần kể từ đầu học kỳ chính và không muộn quá 3 tuần. Ngoài thời hạn trên học phần vẫn được giữ trong phiếu đăng ký học và nếu sinh viên không đi học sẽ được xem như tự ý bỏ học và phải nhận điểm 0.

### 11.1.3. Xếp hạng học lực và năm đào tạo

a) Sinh viên được xếp loại học lực theo điểm trung bình học kỳ, điểm trung bình năm học hoặc điểm trung bình tích lũy như sau:

- Theo thang điểm 4:

- + Từ 3,6 đến 4,0: Xuất sắc;
- + Từ 3,2 đến cận 3,6: Giỏi;
- + Từ 2,5 đến cận 3,2: Khá;
- + Từ 2,0 đến cận 2,5: Trung bình;
- + Từ 1,0 đến cận 2,0: Yếu;
- + Dưới 1,0: Kém.

- Theo thang điểm 10:

- + Từ 9,0 đến 10,0: Xuất sắc;
- + Từ 8,0 đến cận 9,0: Giỏi;
- + Từ 7,0 đến cận 8,0: Khá;
- + Từ 5,0 đến cận 7,0: Trung bình;

- + Từ 4,0 đến cận 5,0: Yếu;
- + Dưới 4,0: Kém.

b) Sinh viên được xếp trình độ năm học căn cứ số tín chỉ tích lũy được từ đầu khóa học (gọi tắt là N) và số tín chỉ trung bình một năm học theo kế hoạch học tập chuẩn (gọi tắt là M), cụ thể như sau:

- Trình độ năm thứ nhất:  $N < M$ ;
- Trình độ năm thứ hai:  $M \leq N < 2M$ ;
- Trình độ năm thứ ba:  $2M \leq N < 3M$ ;
- Trình độ năm thứ tư:  $3M \leq N < 4M$ ;
- Trình độ năm thứ năm:  $4M \leq N < 5M$ .

## **11.2. Hướng dẫn đảm bảo chất lượng**

### *11.2.1. Rà soát, điều chỉnh thường xuyên chương trình đào tạo*

- Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, cập nhật tối thiểu 2 năm một lần và thường xuyên rà soát trong quá trình thực hiện.

- Việc rà soát chương trình đào tạo được thực hiện: căn cứ mức độ đáp ứng các yêu cầu theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam, chuẩn chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, và các quy định hiện hành khác có liên quan; dựa trên kết quả đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và phản hồi của các bên liên quan.

- Kết quả rà soát chương trình đào tạo được sử dụng để cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.

### *11.2.2. Đánh giá tổng thể chương trình đào tạo*

Chu kỳ đánh giá tổng thể chương trình đào tạo là 05 năm; quy trình đánh giá tổng thể tương tự với quy trình xây dựng mới chương trình đào tạo.

### *11.2.3. Công bố công khai chương trình đào tạo*

Hiệu trưởng công bố chương trình đào tạo dưới dạng chương trình đào tạo mới hoặc chương trình đào tạo sửa đổi, bổ sung sau khi được đánh giá và cập nhật.

Chương trình đào tạo (gồm Mô tả chương trình đào tạo và 100% đề cương chi tiết các học phần) được công bố công khai để các bên liên quan (cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, giảng viên, người học,...) có thể tiếp cận dễ dàng và thuận tiện.

### *11.2.4. Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo*

Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo được thực hiện với quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trong quy trình kiểm định chất lượng (gồm: tự đánh giá, đánh giá ngoài, công nhận đạt chuẩn chất lượng), chương trình đào tạo được đối sánh với với tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Kết quả tự đánh giá, đánh giá ngoài được sử dụng làm căn cứ xây dựng và triển khai kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn chất lượng.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Nguyễn Quang Huy**